

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2026/HS-PT**
Ngày: 19/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
 ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số
244/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo **Trần Văn T**,
Vũ Duy T1 và **Đào Văn T2** về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số
133/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 10/01/1982 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: **số 1
đường số D, khu phố C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 1
đường số D, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; giới tính: nam;
quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: kinh doanh;
trình độ học vấn: 8/12; con ông **Trần Văn L**, sinh năm 1953 và bà **Lương Thị M**,
sinh năm 1954; vợ là **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn nhất
sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025 được
thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình
bảo lãnh; có mặt.

2. Vũ Duy T1, sinh ngày 13/4/1991 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: **tổ dân phố
H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố H, phường T, tỉnh
Đắk Lắk)**; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không;

nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông **Vũ Đức V**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1962; vợ là **Lâm Thị L1**, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến ngày 24/3/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; có mặt.

3. Đào Văn T2, sinh ngày 03/3/1973 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: **3 B, khu phố F, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 3 B, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)**; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: **hẻm S đường V, khu phố D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh**; giới tính: nam quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 02/12; con ông **Đào Văn O** và bà **Trần Thị Đ** (đều đã chết); vợ là **Nguyễn Phương H2**, sinh năm 1975 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Duy T1 mở cơ sở sản xuất giá đỗ tại **tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)** từ năm 2021. Trong quá trình sản xuất, để làm giá đỗ không ra rễ, thân mập, đẹp nhằm tăng lợi nhuận, **Vũ Duy T1** sử dụng hoá chất 6-Benzylaminopurine thường gọi là nước “Kẹo”. Mặc dù, biết rõ chất 6-Benzylaminopurine là hóa chất không được phép sử dụng trong sản xuất giá đỗ, nếu sử dụng là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng sức khoẻ đến người tiêu dùng nhưng vì lợi nhuận **Vũ Duy T1** vẫn sử dụng.

Giá đỗ chứa hàm lượng chất 6-Benzylaminopurine tại cơ sở sản xuất của **Vũ Duy T1** được sản xuất theo quy trình 05 ngày, từ khi cho hạt đậu xanh vào lu cho đến khi thu hoạch, cụ thể:

- *Ngày thứ nhất:* khoảng 12 giờ trưa hàng ngày sẽ sản xuất mẻ giá đỗ mới, từng lu giá sẽ được cho trực tiếp hạt đậu xanh theo tỷ lệ 1,4 kilôgam rải đều vào đáy lu nhựa có thể tích khoảng 16 lít, sau đó dùng vỉ lưới nhựa phủ lên trên mặt đậu và lấy các thanh kẽm cài lại. Tiếp theo, pha vôi bột với nước giếng khoan rồi lấy nước vôi tưới trực tiếp vào các lu nhựa chứa đậu nêu trên. Ngâm đậu với nước vôi khoảng 06 giờ cho nở hạt đậu, bung mầm thì úp ngược lu lại để ráo nước. Tiếp đó, khoảng 03 đến 04 giờ một lần sẽ tưới nước vôi và úp ngược lu lại để ráo nước cho đến khi kết thúc ngày thứ nhất;

- *Ngày thứ hai:* từ 03 đến 04 giờ một lần sẽ tưới nước vôi và úp ngược lu lại để ráo nước;

- Ngày thứ ba: **Vũ Duy T1** sẽ pha chất 6-Benzylaminopurine với nước rồi tưới vào các lu, rồi úp ngược các lu lại. Khoảng 03 đến 04 giờ sau, tưới nước sạch vào các lu rồi úp ngược lu lại, thực hiện theo quy trình như trên cho đến hết ngày thứ năm thì thu hoạch.

Từ năm 2023, **Vũ Duy T1** quen biết và đặt mua đậu xanh, vật tư sản xuất giá đỗ (lu, vỉ, nẹp...) của **Đào Văn T2**, sinh năm 1973, thường trú tại **3 B, khu phố F, phường C, quận T, thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **3 B, khu phố F, phường T, thành phố Hồ Chí Minh**). Đến khoảng đầu năm 2024, **Vũ Duy T1** hỏi mua thêm nước hóa chất 6-Benzylaminopurine của **Đào Văn T2**, **T2** biết **T1** mua về để sản xuất giá đỗ, biết việc sử dụng hoá chất trong sản xuất giá đỗ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng nhưng **T2** vẫn đồng ý bán.

Từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2024, **Đào Văn T2** thông qua **Huỳnh Trung T3**, sinh năm 1987, là giám đốc **Công ty TNHH T6** để bán 56 can hóa chất 6-Benzylaminopurine với giá 23.700.000 đồng, rồi gửi xe tải hoặc xe khách để chuyển hàng về cho **Vũ Duy T1** và **T1** đã sử dụng hết.

Từ tháng 8/2024, **Vũ Duy T1** đặt mua của **Đào Văn T2** 10 thùng nước hóa chất 6-Benzylaminopurine (mỗi thùng là 05 can, loại can 05 lít) mục đích sử dụng để sản xuất giá đỗ với giá 400.000 đồng/01 can. **Đào Văn T2** liên hệ với **Trần Văn T**, sinh năm 1982, thường trú tại **số I đường số D, khu phố C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **số I đường số D, khu phố C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**) đặt mua 50 can nước hóa chất 6-Benzylaminopurine với giá tiền 350.000 đồng/01 can để bán cho **Vũ Duy T1**. **Trần Văn T** làm nghề sản xuất giá đỗ và kinh doanh bán nguyên vật liệu để sản xuất giá đỗ gồm đậu xanh, vôi, lu nhựa, vỉ, kẽm và hóa chất 6-Benzylaminopurine... Quá trình sản xuất giá đỗ, **T** cũng sử dụng chất 6-Benzylaminopurine để sử dụng ngâm tưới đậu xanh nên biết rõ tác dụng của loại hóa chất này giúp cho giá đỗ phát triển tăng trưởng nhanh hơn, đồng đều, thân giá mập to và rễ ngắn, tăng lợi nhuận trong kinh doanh nhưng không được Nhà nước cho phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người.

Sau khi thống nhất giá tiền với **Đào Văn T2**, **Trần Văn T** đặt mua nguyên liệu, vật tư để tự sản xuất 50 can nước hóa chất 6-Benzylaminopurine và gửi xe vận chuyển về cho **Vũ Duy T1**. Đến ngày 15/12/2024, trong quá trình **Vũ Duy T1** sử dụng nước hóa chất 6-Benzylaminopurine do **Trần Văn T** sản xuất để làm giá đỗ thì bị Cơ quan **Công an tỉnh Đ** kiểm tra phát hiện, thu giữ 3.172,15 kg giá đỗ thành phẩm và 4.082 kg giá đỗ ngày tưới thứ 03 và thứ 04 (quy trình sản xuất giá đỗ 05 ngày), 29 can nhựa màu trắng loại dung tích 05 lít, bên trong chứa nước hóa chất 6-Benzylaminopurine. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn tiến hành lấy mẫu giá đỗ sản xuất ngày thứ 01, thứ 02 để giám định, tuy nhiên, 02 mẫu này không phát hiện chất 6-Benzylaminopurine. Quá trình điều tra xác định số tiền **Trần Văn T** thu lợi bất chính từ bán hóa chất cho **Đào Văn T2** là 5.300.000 đồng, **Đào Văn T2** thu lợi bất chính từ bán hóa chất cho **Vũ Duy T1** là 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định **Trần Văn T** còn bán nước hóa chất 6-Benzylaminopurine cho **Nguyễn Văn H3** để sản xuất giá đỗ, cụ thể: năm 2022,

Nguyễn Văn H3 sinh năm 1988, tạm trú: **Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk)** mở cơ sở sản xuất kinh doanh giá đỗ tại địa chỉ trên. Trong quá trình sản xuất, **Nguyễn Văn H3** biết được hóa chất 6-Benzylaminopurine thường gọi là nước “Kẹo” gây nguy hại cho sức khỏe của con người, không được sử dụng trong sản xuất giá đỗ, tuy nhiên nếu không sử dụng chất 6-Benzylaminopurine thì giá đỗ bị hư, rễ mọc dài xấu, khách hàng chê không đặt hàng.

Quy trình sản xuất giá đỗ của **Nguyễn Văn H3** cũng được thực hiện tương tự như của **Vũ Duy T1**. Thời gian đầu sản xuất giá đỗ, **Nguyễn Văn H3** nhờ **Nguyễn Thị T4** (là chị vợ) mua hóa chất 6-Benzylaminopurine để sản xuất giá đỗ, tuy nhiên sau đó không nhờ **T4** đặt mua nữa. Vào đầu năm 2024, **Nguyễn Văn H3** liên hệ **Trần Văn T** để đặt hàng mua nước hóa chất 6-Benzylaminopurine về sử dụng, pha với nước để tưới vào giá đỗ. Các lần mua bán cụ thể như sau: ngày 08/4/2024 **H3** đặt mua 03 thùng (15 can) hóa chất 6-Benzylaminopurine với số tiền 6.000.000 đồng; ngày 30/5/2024 **H3** đặt mua 02 thùng hóa chất 6-Benzylaminopurine (10 can) với số tiền 3.550.000 đồng và **H3** đã sử dụng hết.

Lần gần nhất ngày 27/9/2024 **H3** đặt mua 02 thùng (10 can) hóa chất 6-Benzylaminopurine với số tiền 3.500.000 đồng, lọc nước 9.500.000 đồng, vĩ lưới với số tiền 5.000.000 đồng, 01 thùng clo với số tiền 2.400.000 đồng, tổng cộng là 20.400.000 đồng. **T** thu lợi bất chính từ bán hóa chất là 1.060.000 đồng. Sau khi nhận hàng, **Nguyễn Văn H3** chuyển trả số tiền 20.400.000 đồng từ tài khoản **ngân hàng E** của vợ là **Nguyễn Thị T5** đến tài khoản **ngân hàng N1**, số 6460205413041 của **Trần Văn T**. Đến ngày 15/12/2024, trong quá trình **Nguyễn Văn H3** sản xuất giá đỗ sử dụng chất 6-Benzylaminopurine do **Trần Văn T** sản xuất thì bị Cơ quan **Công an tỉnh Đ** kiểm tra phát hiện, tạm giữ 03 can nước hóa chất 6-Benzylaminopurine và 3.077 kg giá đỗ ngày tuổi thứ 03 đến thứ 05 có chứa hàm lượng chất 6-Benzylaminopurine. Ngoài ra tiến hành lấy mẫu giá đỗ sản xuất ngày thứ 01, thứ 02 để giám định, tuy nhiên, 02 mẫu trên không phát hiện chất 6-Benzylaminopurine.

*** Kết luận giám định, định giá tài sản đối với **Vũ Duy T1**:**

- Tại Kết luận giám định số 2739/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Mẫu giá đỗ ký hiệu Tư 01 và Tư 02 (sản xuất ngày thứ nhất, thứ 2) không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine; mẫu giá đỗ ký hiệu lần lượt là Tư 03, **T, T, T** đều tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine. Cụ thể: Tư 03 hàm lượng 89,2 µg/kg; Tư 04 hàm lượng 15,7 µg/kg; Tư 05 (thành phẩm) hàm lượng 9,42 µg/kg; Tư 06 (thành phẩm) hàm lượng 9,39 µg/kg;

Mẫu chất lỏng ký hiệu Tư 07 có nồng độ 6-Benzylaminopurine hàm lượng 5762 µg/l. Mẫu chất lỏng ký hiệu Tư 08 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine.

- Tại Kết luận giám định số 2740/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Mẫu giá đỡ ký hiệu Tư 01-02 và T1 02-02 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine; Mẫu giá đỡ ký hiệu lần lượt là Tư 03-02, Tư 04-02, Tư 05-02 đều tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine. Cụ thể: Tư 03-02 hàm lượng 28,9 µg/kg; Tư 04-02 hàm lượng 7,14 µg/kg; T1 05 (thành phẩm) hàm lượng 27,9 µg/kg.

Mẫu chất lỏng ký hiệu Tư 06-02 có nồng độ 6-Benzylaminopurine hàm lượng 6693 µg/l; Mẫu chất lỏng ký hiệu Tư 07-02 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine.

- Tại Kết luận giám định số 251/KL-KTHS ngày 19/02/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Dung dịch chất lỏng trong suốt đựng trong 06 chai nhựa có ký hiệu từ M5 đến M10 đều tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine và K (KOH), không tìm thấy Natrihydroxit (NaOH); nồng độ 6-Benzylaminopurine (mg/L): M5: 5966, M6: 5774, M7: 5529, M8: 5752, M9: 5675, M10: 5528; nồng độ KOH (%): M5: 0,63, M6: 0,63, M7: 0,62, M8: 0,62, M9: 0,64, M10: 0,62.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4691/KL-HĐĐG ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 3.172,15 kg giá đỡ thành phẩm tại thời điểm ngày 16/12/2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có giá trị 87.686.000 đồng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4792/KL-HĐĐG ngày 26/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 4.082 kg giá đỡ ngày tuổi thứ 03 và thứ 04 tại thời điểm ngày 16/12/2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có tổng giá trị 80.723.000 đồng.

*** Kết luận giám định, định giá tài sản đối với Nguyễn Văn H3:**

- Tại Kết luận giám định số 2742/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Mẫu giá đỡ ký hiệu GĐ-01 và GĐ-02 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine; Mẫu giá đỡ ký hiệu lần lượt là GĐ-03, GĐ-04 và GĐ-05 đều tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine, cụ thể: GĐ-03 hàm lượng 42,4 µg/kg; GĐ-04 hàm lượng 10,8 µg/kg; GĐ-05 (thành phẩm) hàm lượng 4,53 µg/kg; Mẫu chất lỏng ký hiệu CL-06 có nồng độ 6-Benzylaminopurine hàm lượng 6178 µg/l; Mẫu chất lỏng ký hiệu MN-07 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine.

- Tại Kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 19/02/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Dung dịch chất lỏng trong suốt đựng trong chai nhựa ký hiệu M4 có tìm thấy K (KOH), không tìm thấy N (NaOH); nồng độ KOH là 0,64%.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4692/KL-HĐĐG ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 1.194 kg giá đỡ thành phẩm tại thời điểm ngày 16/12/2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có giá trị 33.074.000 đồng.

- Tai Kết luận định giá tài sản số 4791/KL-HĐĐG ngày 26/12/20024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 1.883 kg giá đỗ ngày tuổi thứ 03 và thứ 04 tại thời điểm ngày 15/12/2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có tổng giá trị 37.711.000 đồng.

- Ngày 19/12/2024, C và bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ (nay là Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Đ) có văn bản số 1438/TTBVTV-TTPC trả lời: Qua tra cứu và rà soát Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam không có chất 6-Benzylaminopurine trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Ngày 20/12/2024, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Đ có văn bản số 514/CCATVSTP-NV trả lời: Chất 6-Benzylaminopurine không nằm trong Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1]. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1**, **Đào Văn T2** phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”.

[2]. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 04 (B) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025.

[2.2] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đào Văn T2** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025.

[2.3] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Duy T1** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến ngày 24/3/2025.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 317 Bộ luật Hình sự;

[3.1] Phạt tiền bị cáo **Trần Văn T** 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[3.2] Phạt tiền bị cáo **Đào Văn T2** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[3.3] Cấm hành nghề sản xuất giả đồ đối với bị cáo **Vũ Duy T1** 03 (Ba) năm sau khi mãn hạn tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn H3**, quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/9/2025, bị cáo **Đào Văn T2** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin hưởng án treo;

Ngày 30/9/2025, bị cáo **Trần Văn T** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin hưởng án treo;

Ngày 06/10/2025, bị cáo **Vũ Duy T1** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1** và **Đào Văn T2** giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo;

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: ngày 29 và ngày 30/9/2025, bị cáo **Đào Văn T2** và bị cáo **Trần Văn T** kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 07/10/2025, bị cáo **Vũ Duy T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1** và **Đào Văn T2** đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*” là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: mặc dù biết rõ chất 6-Benzylaminopurine là hóa chất không được phép sử dụng trong sản xuất giả đồ, biết việc sử dụng hoá chất này trong sản xuất giả đồ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng nhưng các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1**, **Đào Văn T2**, **Nguyễn Văn H3** vẫn sử dụng để sản xuất giả đồ tại cơ sở sản xuất giả đồ của các bị cáo **Vũ Duy T1**, **Nguyễn Văn H3** trong một thời gian dài.

Đến ngày 15/12/2024, các bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** phát hiện xử lý. Trong đó, các bị cáo **Trần Văn T**, **Đào Văn T2** bán hóa chất 6-Benzylaminopurine cho bị cáo **Vũ Duy T1** để sản xuất tại thời điểm mà cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện là 7.254,15 kg giả đồ, trị giá là 168.409.000 đồng; bị

cáo **Trần Văn T** đã bán hóa chất 6-Benzylaminopurine cho bị cáo **Nguyễn Văn H3** để sản xuất tại thời điểm mà cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện là 3.077 kg giá đỡ, trị giá 70.785.000 đồng. **Trần Văn T** đã thu lợi bất chính từ bán hóa chất là 6.360.000 đồng, **Đào Văn T2** thu lợi bất chính từ bán hóa chất là 2.500.000 đồng.

Với các hành vi nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết tội **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1**, **Đào Văn T2** “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”, theo điểm e khoản 2 Điều 317 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo đảm an toàn thực phẩm, trực tiếp đe dọa đến sức khỏe của người tiêu dùng, ảnh hưởng xấu hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm và gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đủ năng lực nhận thức và biết rõ chất 6-Benzylaminopurine là hóa chất, không được phép sử dụng trong sản xuất giá đỡ và việc sử dụng chất này trong sản xuất thực phẩm là vi phạm pháp luật, có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Tuy nhiên, vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trong một thời gian dài. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự bất chấp pháp luật, coi thường sức khỏe của cộng đồng nên cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện có chiều hướng gia tăng trong xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo cùng thực hiện tội phạm, trong đó **Trần Văn T** là người trực tiếp pha chế, sản xuất ra chất 6-Benzylaminopurine rồi bán cho **Đào Văn T2** 50 can chất 6-Benzylaminopurine. **Đào Văn T2** ngoài mua chất 6-Benzylaminopurine của **T**, **T2** còn mua của **Huỳnh Trung T3** 56 can, sau đó **T2** bán lại cho **Vũ Duy T1**, từ số lượng hoá chất này, **T** sản xuất được 7.254,15 kg giá đỡ; **T** tiếp tục bán cho **Nguyễn Văn H3** 35 can chất 6-Benzylaminopurine, **H3** sản xuất ra 3.077 kg giá đỡ. Toà án cấp sơ thẩm đánh giá **Trần Văn T** giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án, **Đào Văn T2** và **Vũ Duy T1** thực hiện hành vi phạm tội với mức độ ngang nhau là có căn cứ.

Các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1**, **Đào Văn T2** đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông bà nội bị cáo **Vũ Duy T1** là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo, bị cáo **Vũ Duy T1** được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; **Trần Văn T** thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt 04 năm tù đối với **Trần Văn T**, 03 năm 06 tháng tù đối với **Đào Văn T2**, **Vũ Duy T1** như cấp sơ thẩm quyết định là phù

hợp, tương xứng, đồng thời thể hiện sự phân hoá vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo **Đào Văn T2**, **Trần Văn T** cung cấp tài liệu thể hiện các bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung, nộp số tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, mức án mà Toà cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo mà giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Số tiền các bị cáo nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được khấu trừ trong quá trình thi hành bản án.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo **Trần Văn T**, **Đào Văn T2**, **Vũ Duy T1** phải chịu theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn T**, **Đào Văn T2**, **Vũ Duy T1**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 04 (bốn) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025.

1.2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đào Văn T2** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2025 đến ngày 23/6/2025.

1.3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Duy T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến ngày 24/3/2025.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Trần Văn T**, **Vũ Duy T1** và **Đào Văn T2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2025/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên